

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST
Ngày: 25-02-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Lâm Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phùng Thế V, sinh năm 1976.

2. Bà Vòng Thu C, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Trọng P, sinh năm 1981, cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C. là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 5 năm 2020) (ông P xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Văn T1 (vắng mặt).

2. Bà Đồng Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn ông Phùng Thế V và bà Vòng Thu C trình bày: Vào ngày 29 tháng 02 năm 2018 vợ chồng ông

Trương Văn T1, bà Đồng Ngọc T có vay của vợ chồng ông V, bà C số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ông T1, bà T đóng lãi đến ngày 29 tháng 11 năm 2018 âm lịch thì ngưng đóng lãi. Ông V, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và trả tiền lãi từ tháng 11 năm 2018 đến nay là 17 tháng với số tiền là 76.500.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 226.500.000 đồng.

- Tại biên bản làm việc ngày 01 tháng 9 năm 2020 bị đơn bà Đồng Ngọc T trình bày: Vào ngày 29 tháng 02 năm 2018 bà cùng chồng là ông Trương Văn T1 có vay của ông Phùng Thế V và bà Vòng Thu C số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 4.500.000 đồng. Bà và ông T1 đã đóng lãi cho ông V, bà C đến tháng 3 năm 2019. Bà đồng ý cùng ông T1 trả tiền cho ông V, bà C, nhưng yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Trương Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T.

[3] Xét thấy việc ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T có vay của ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng là có thật, việc này bà T đã thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 01 tháng 9 năm 2021. Ông V và bà C cho rằng ông T, bà T1 trả lãi đến 29 tháng 11 năm 2018 âm lịch, bà T cho rằng đã trả lãi cho ông V đến tháng 3 năm 2019. Xét thấy bà T cho rằng đã trả lãi cho ông V, bà C đến tháng 3/2019 nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử xác định bà T, ông T1 đã trả lãi cho ông V, bà C đến 29/11/2018 âm lịch là 09 tháng mỗi tháng 4.500.000 đồng, như vậy số tiền lãi bà T, ông T1 đã trả là 40.500.000 đồng. Xét thấy lãi suất thỏa thuận giữa ông V, bà C với ông T1, bà T thỏa thuận mỗi tháng 3% là quá cao so với quy định của pháp luật nên bà T yêu cầu điều chỉnh lại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/ năm, 1,67%/tháng, 0,055%/ngày, lãi suất được tính như sau: Ngày vay là ngày 29 tháng 02 năm 2018 âm lịch nhằm ngày 14 tháng 04 năm 2018

đến ngày 29 tháng 11 năm 2018 âm lịch nhằm ngày 04 tháng 01 năm 2019 là 08 tháng 20 ngày, tiền lãi là $(150.000.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 1,67\%) + (150.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày} \times 0,055\%) = 21.690.000 \text{ đồng}$, Như vậy số tiền gốc ông T1, bà T còn nợ ông V, bà C đến ngày 04 tháng 01 năm 2019 là $(150.000.000 \text{ đồng} + 21.690.000 \text{ đồng}) - 40.500.000 \text{ đồng} = 131.190.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 04 tháng 01 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25 tháng 02 năm 2021 là 02 năm 01 tháng 21 ngày tiền lãi sẽ là $(131.190.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} \times 20\%) + (131.190.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 1,67\%) + (131.190.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} \times 0,055\%) = 56.182.000 \text{ đồng}$. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C, buộc ông T1, bà T có nghĩa vụ trả cho ông V, bà C số tiền cả gốc và lãi là $131.190.000 \text{ đồng} + 56.182.000 \text{ đồng} = 187.372.000 \text{ đồng}$. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C về việc yêu cầu ông Trương Văn T1, bà Đồng Ngọc T trả số tiền 39.128.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.956.400 đồng, ông V, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 5.663.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí, ông V, bà C được nhận lại 3.706.600 đồng. Ông Trương Văn T1, bà Đồng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 9.368.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C. Buộc ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C số tiền 187.372.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C về việc yêu cầu ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T trả số tiền 39.128.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng).

3. Về án phí:

Buộc ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.956.400 đồng (một triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm đồng), ông V, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 5.663.000 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011661 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí. ông Phùng Thế V, bà Vòng Thu C được nhận lại 3.706.600 đồng (ba triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm đồng).

Buộc ông Trương Văn T1 và bà Đồng Ngọc T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.368.600 đồng (chín triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi cán có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều